ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ HÀI LÒNG CỦA SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN - ĐẠI HỌC QUỐC GIA THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH ĐỐI VỚI MÔN HỌC GIÁO DỤC THỂ CHẤT

• **Tạ Hoàng Thiện[1,*]** • **Phan Thanh Mỹ[2]** • **Cù Văn Hoàng[3]**

[1] Trường Đại học Thể dục thể thao Tp. Hồ Chí Minh

[2]Trường Đại học Tài Chính - Marketing

[3]Trung tâm Thể dục thể thao Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh

TÓM TẮT

Mục tiêu: Đánh giá mức độ của sinh viên đối với Giáo dục thể chất nhằm xác định các biện pháp phù hợp để cải thiện mức độ hài lòng của sinh viên đối với môn học ngày càng tốt hơn, góp phần nâng cao chất lượng giảng dạy môn học Giáo dục thể chất của Trung tâm thể dục thể thao ĐHQG TP.HCM. Phương pháp: Xác định các biến lượng và xây dựng thang đo mức độ hài lòng và đánh giá mức độ hài lòng của sinh viên đối với môn học Giáo dục thể chất. Mẫu nghiên cứu là 1000 sinh viên Trường Đại học Khoa học Tự nhiên. Kết quả: Sinh viên hài lòng với môn học Giáo dục thể chất nhưng mức độ chưa cao. Từ đây, bài báo đã xác định 4 biện pháp tác động thực nghiệm để nâng cao mức độ hài lòng của sinh viên đối với môn học Giáo dục thể chất (GDTC). Kết luận: Mức độ hài lòng của sinh viên có vai trò quan trọng để nâng cao chất lượng học tập và giảng dạy môn học Giáo dục thể chất và để nâng cao mức độ hài lòng của sinh viên đối với môn học Giáo dục thể chất thì phải sử dụng các biện pháp tác động phù hợp.

Từ khóa: *mức độ hài lòng; Sinh viên; Giáo dục thể chất*

EVALUATING STUDENTS' LEVEL OF SATISFACTION WITH PHYSICAL EDUCATION AT UNIVERSITY OF NATURAL SCIENCES, VIETNAM NATIONAL NNIVERSITY-HO CHI MINH CITY

• **Ta Hoang Thien** • **Phan Thanh My** • **Cu Van Hoang**

ABSTRACT

Objective: Evaluate students' level of Physical Education to determine appropriate measures to improve student satisfaction with the subject better and better, contributing to improving teaching quality of Physical Education at The Center For Physical Education and Sports, Vietnam National University-Ho Chi Minh City. Methods: Determining quantitative variables and building a satisfaction scale and assessing student satisfaction with Physical Education. The research sample is 1000 students of the University of Natural Sciences. Results: Students are satisfied with Physical Education, but the level is not high. From here, the article has identified 4 measures of empirical impact to improve the level of student satisfaction with physical education. Conclusion: Student satisfaction has an important role to play to improve the quality of learning and teaching of Physical Education and to improve the level of student satisfaction for Physical Education, appropriated measures must be used.

Keywords: *satisfaction level; Student; Physical education*

* Email tác giả liên hệ: TS. Tạ Hoàng Thiện, Email: hoangthienhus@gmail.com

(Ngày nhận bài: 07/09/2022; Ngày nhận bản sửa: 07/10/2022; Ngày duyệt đăng: 11/11/2022)

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Công tác Giáo dục thể chất của Trường Đại học Khoa học Tự nhiên ĐHQG TP.HCM được các cấp lãnh đạo quan tâm, thể hiện qua việc thường xuyên đổi mới, bổ sung trang thiết bị cơ sở vật chất, sân bãi dụng cụ TDTT, đội ngũ giảng viên... đã và đang phục vụ tốt cho công tác giảng dạy chính khóa cũng như hoạt động thể thao ngoại khóa. Tuy nhiên, thực tế công tác Giáo dục thể chất và thể thao học đường ở trường cũng còn bộc lộ nhiều hạn chế và chưa đáp ứng được yêu cầu mục tiêu giáo dục đào tạo đã đề ra. Đa số sinh viên ở trường, trong quá trình học tập phần lớn chỉ tập trung vào các môn học có liên quan trực tiếp đến chuyên môn, nghề nghiệp tương lai của mình là chính mà còn thờ ơ, coi nhẹ việc học môn giáo dục thể chất. Khi môn chuyên ngành được tập trung một cách tối đa như vậy thì đồng nghĩa với việc những môn học khác bị xem nhẹ. Thể hiện rõ là tố chất thể lực của Sinh viên được kiểm tra hằng năm ở mức chưa đạt chiếm tỷ lệ cao, chưa ý thức được tác dụng của môn học là những nguyên nhân dẫn tới sự thiếu hứng thú của sinh viên đối với giờ học giáo dục thể chất. Để góp phần giải quyết thực trạng như trên thì việc xây dựng thang đo và đánh giá mức độ hài lòng của sinh viên Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, ĐHQG TP.HCM đối với môn học GDTC nhằm xác định phản hồi của sinh viên đối với môn học, qua đó xác định các biện pháp thiết thực để nâng cao mức độ hài lòng của sinh viên, đồng thời góp phần nâng cao chất lượng giảng dạy môn học GDTC cho sinh viên.

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU VÀ VẬT LIỆU NGHIÊN CỨU

Để triển khai giải quyết mục tiêu nghiên cứu, bài báo đã sử dụng các phương pháp phân tích và tổng hợp tài liệu [1-5], phương pháp phỏng vấn và phương pháp toán thống kê để khảo sát và tính toán dữ liệu định tính và định lượng nhằm phân tích, đút rút thông tin về sự hài lòng của sinh viên thông qua các biến quan sát, đo lường. Mẫu nghiên cứu là 1000 sinh viên Trường Đại học Khoa học Tự nhiên đang học môn học GDTC ở tại Trung tâm Thể dục thể thao ĐHQG TP.HCM.

3. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

3.1. Kết quả xây dựng thang đo đánh giá sự hài lòng của sinh viên Trường Đại học Khoa học Tự Nhiên, ĐHQG TP.HCM đối với môn học GDTC

Thang đo về sự hài lòng được sử dụng trong bài báo là dựa vào mô hình cảm nhận. Dựa vào cấu trúc thứ bậc các tiêu chí hài lòng của G.V. Diamantis và V.K. Benos [6] dẫn theo Siskos et al. (2005) [7] kết hợp với hướng dẫn sử dụng tiêu chí đánh giá chất lượng trường đại học, *Thông tư số 12/2017/QĐ-BGDĐT ngày 19 tháng 05 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT về việc ban hành Quy định kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục đại học [6]*, Bài báo đưa ra bảng hỏi khảo sát sự hài lòng của sinh viên Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, ĐHQG TP.HCM đối với hoạt động đào tạo GDTC.

Thông qua ý kiến đóng góp của các chuyên gia, nhà khoa học, giảng viên về tính phù hợp và khả thi của các nội dung phiếu phỏng vấn. Bài báo lựa chọn những ý kiến có trên 80% tỷ lệ ý kiến tán thành. Sau đó đã xây dựng được phiếu điều tra hoàn chỉnh: *Thông tin chung về nhân khẩu học; Chương trình đào tạo(DT1); Đội ngũ giảng viên(DT2);Cơ sở vật chất (DT3); Khả năng phục vụ (DT4)*.

3.1.1. Kết quả kiểm nghiệm độ tin cậy của các biến đo lường sự hài lòng của sinh viên đối với môn học GDTC

Thông qua kết quả phỏng vấn thử nghiệm trên 1000 sinh viên đối với môn học GDTC tại Trường Đại học Khoa học Tự nhiên ĐHQG TP.HCM, Bài báo tiến hành đánh giá độ tin cậy thông qua kiểm định Cronbach's Alpha đối với chương trình dạy học. Kết quả được trình bày ở bảng như sau:

Bảng 1. Kết quả kiểm định hệ số Cronbach's Alpha đối với các biến đo lường sự hài lòng về chương trình dạy học

Biến	Trung bình thang đo nếu loại biến	Phương sai thang đo nếu loại biến	Tương quan biến - tổng hiệu chỉnh	Cronbach's Alpha nếu loại biến
DT1	11.188	5.168	0.673	0.814
DT2	11.526	4.694	0.715	0.796
DT3	11.222	5.194	0.676	0.813
DT4	11.511	4.861	0.689	0.807
Cronbach's Alpha tổng		**0.850**		

Kết quả Bảng 1 cho thấy: Hệ số Cronbach's Alpha tổng của biến đo lường về chương tình dạy học môn học GDTC tại Trường Đại học Khoa học tự nhiên là 0.850>0.6; hệ số tương quan biến tổng của 4 biến đều >0.3 và hệ số Cronbach's Alpha nếu loại biến đều nhỏ hơn hệ số Cronbach's Alpha tổng, Giá trị báo cáo lớn nhất là 0.814 (DT1) và nhỏ nhất là 0.796 (DT2). Kết luận: đạt yêu cầu kiểm định.

Bảng 2. Kết quả kiểm định hệ số Cronbach's Alpha các biến đo lường đội ngũ giảng viên môn học GDTC

Biến	Trung bình thang đo nếu loại biến	Phương sai thang đo nếu loại biến	Tương quan biến - tổng hiệu chỉnh	Cronbach's Alpha nếu loại biến
GV1	23.148	14.459	0.567	0.841
GV2	23.028	15.343	0.599	0.836
GV3	23.004	14.857	0.605	0.835
GV4	23.062	14.407	0.661	0.827
GV5	23.119	13.971	0.665	0.826
GV6	23.163	14.159	0.656	0.827
GV7	23.056	15.016	0.568	0.840
Cronbach's Alpha tổng		**0.855**		

Kết quả Bảng 2 cho thấy: Hệ số Cronbach's Alpha tổng của các biến đo lường mức độ hài lòng về đội ngũ giảng viên môn học giáo dục thể chất tại Trường Đại học Khoa học Tự nhiên Tp. Hồ Chí Minh là 0.855>0.6; hệ số tương quan biến tổng của 7 biến đều >0.3 và hệ số Cronbach's Alpha nếu loại biến đều nhỏ hơn hệ số Cronbach's Alpha tổng, Giá trị báo cáo lớn nhất là 0.841 (GV1) và nhỏ nhất là 0.826 (GV5). Kết luận: đạt yêu cầu kiểm định.

Bảng 3. Kết quả kiểm định hệ số Cronbach's Alpha các biến đo lường mức độ hài lòng về cơ sở vật chất môn học GDTC

Biến	Trung bình thang đo nếu loại biến	Phương sai thang đo nếu loại biến	Tương quan biến - tổng hiệu chỉnh	Cronbach's Alpha nếu loại biến
CS1	15.128	9.117	0.561	0.831
CS2	15.333	7.674	0.732	0.784
CS3	15.247	8.188	0.664	0.804
CS4	15.229	8.087	0.703	0.793
CS5	15.315	8.116	0.581	0.829
Cronbach's Alpha tổng		**0.842**		

Kết quả Bảng 3 cho thấy: Hệ số Cronbach's Alpha tổng của nhân tố hài lòng về cơ sở vật chất môn học Giáo dục thể chất tại Trường Đại học Khoa học tự nhiên Tp. Hồ Chí Minh là 0.842>0.6; hệ số tương quan biến tổng của 5 biến đều >0.3 và hệ số Cronbach's Alpha nếu loại biến đều nhỏ hơn hệ số Cronbach's Alpha tổng, Giá trị báo cáo lớn nhất là 0.831 (CS1) và nhỏ nhất là 0.784 (CS2). Kết luận: đạt yêu cầu kiểm định.

Bảng 4. Kết quả kiểm định hệ số Cronbach's Alpha các biến đo lường khả năng phục vụ cho môn học GDTC

Biến	Trung bình thang đo nếu loại biến	Phương sai thang đo nếu loại biến	Tương quan biến - tổng hiệu chỉnh	Cronbach's Alpha nếu loại biến
PV1	15.0870	6.290	0.498	0.651
PV2	15.1680	6.544	0.444	0.674
PV3	15.1640	5.969	0.555	0.627
PV4	15.1970	6.439	0.452	0.671
PV5	14.9440	6.778	0.396	0.692
Cronbach's Alpha tổng		**0.711**		

Kết quả Bảng 4 cho thấy: Hệ số Cronbach's Alpha tổng của nhân tố hài lòng về khả năng phục vụ cho môn học giáo dục thể chất tại Trường Đại học Khoa học tự nhiên Tp. Hồ Chí Minh là 0.711>0.6; hệ số tương quan biến tổng của 5 biến đều >0.3 và hệ số Cronbach's Alpha nếu loại biến đều nhỏ hơn hệ số Cronbach's Alpha tổng, Giá trị báo cáo lớn nhất là 0.692 (PV5) và nhỏ nhất là 0.627 (PV3). Kết luận: đạt yêu cầu kiểm định.

3.*1.2. Kết quả phân tích nhân tố khám phá(EFA)*

Thông qua kết quả khảo sát, đề tài tiến hành phân tích nhân tố khám phá. Kết quả tính toán được trình bày ở Bảng 5 như sau:

Bảng 5. Kết quả kiểm định KMO

Chỉ số KMO	0.769
Kiểm định Bartlett's	11622.091
Df	210
Sig.	0.000

Bảng 5 cho thấy, sau khi tiến hành phân tích nhân tố bằng phương pháp phân tích xoay Varimax, kết quả kiểm định có chỉ số KMO = 0.769 (> 0.5), cho thấy phân tích nhân tố thích hợp với dữ liệu nghiên cứu với mức ý nghĩa Sig. = 0.001 < 0.01 (Bác bỏ giả thiết H0: Các biến quan sát không có tương quan với nhau trong tổng thể).

Bảng 6. Bảng Eigenvalues và phương sai trích

Thành phần	Initial Eigenvalues	**Rotation Sums of Squared Loadings**		
		Total	**% of Variance**	**Cumulative %**
1	5.507	3.858	18.373	18.373
2	2.608	3.083	14.681	33.054
3	2.255	2.780	13.236	46.290
4	1.685	2.334	11.116	57.405

Từ kết quả trên cho thấy: Có 21 biến quan sát được chia thành 4 nhóm nhân tố; Hệ số Eigenvalues của 4 nhóm nhân tố này đều lớn hơn 1: đạt yêu cầu kiểm định; Giá trị tổng phương sai trích là 57.405% > 50%: đạt yêu cầu. Khi đó có thể kết luận rằng 4 nhóm nhân tố này có thể giải thích được 57.405% sự biến thiên của dữ liệu.

Bảng 7. Phân tích nhân tố khám phá EFA

Item	**Thành phần**			
	1	**2**	**3**	**4**
DT1		0.748		
DT2		0.837		
DT3		0.751		
DT4		0.816		
GV1	0.660			
GV2	0.689			
GV3	0.727			
GV4	0.764			
GV5	0.770			

GV6	0.748			
GV7	0.647			
CS1	0.700			
CS2	0.809			
CS3	0.761			
CS4	0.822			
CS5	0.686			
PV1			0.709	
PV2			0.656	
PV3			0.755	
PV4			0.671	
PV5			0.606	

Bảng 7 cho thấy: Sau khi thực hiện xoay nhân tố, biến có hệ số nhân tố nào lớn chứng tỏ nó có tương quan chủ yếu với nhân tố đó, vì thế, nó thuộc về nhân tố đó (Hoàng Trọng và Chu Nguyễn Mộng Ngọc, 2005). Sau khi thực hiện phép xoay nhân tố với 21 biến quan sát như trên, Bài báo có 4 nhóm nhân tố được trình bày như sau:

- Mức độ hài lòng đối với đội ngũ giảng viên bao gồm: Giảng viên có đủ trình độ giảng dạy chuyên môn (GV1); Giảng viên truyền đạt nội dung giảng dạy dễ hiểu, thị phạm tốt (GV2); Giảng viên đảm bảo kế hoạch giảng dạy và đúng giờ lên lớp (GV3); Biểu hiện của giảng viên gần gũi và thân thiện với sinh viên (GV4); Giảng viên sẵn sàng chia sẻ kiến thức, kinh nghiệm với sinh viên (GV5); Giảng viên phổ biến chi tiết về kế hoạch giảng dạy và chỉ tiêu đánh giá kết quả học tập (GV6); Giảng viên tổ chức kiểm tra chính xác và công bằng (GV7).

- Mức độ hài lòng đối với Cơ sở vật chất bao gồm: Tài liệu học tập môn học được đảm bảo đầy đủ (CS1)**;** Phòng học đáp ứng nhu cầu học tập lý thuyết của sinh viên (CS2)**;** Sân tập, nhà tập đáp ứng nhu cầu tập luyện của sinh viên (CS3); Dụng cụ tập luyện đáp ứng yêu cầu tập luyện của môn học (CS4)**;** Lớp học có số lượng sinh viên hợp lý (CS5).

- Mức độ hài lòng đối với Chương trình giảng dạy môn học bao gồm: Mục tiêu của môn học rõ ràng (ĐT1); Chương trình dạy học đảm bảo thời lượng, nội dung môn học (ĐT2); Nội dung của tiết học đáp ứng nhu cầu rèn luyện và hoạt động nâng cao thể chất của sinh viên (ĐT3); Nội dung thi phù hợp với nội dung môn học (ĐT4).

- Mức độ hài lòng đối với Khả năng phục vụ bao gồm: Cán bộ quản lý giải quyết thỏa đáng các yêu cầu của sinh viên (PV1); Mọi thắc mắc về môn học đều có thể trao đổi với GV ở lớp (PV2); GV có thể nhận biết được nhu cầu của SV trong tập luyện (PV3); GV luôn quan tâm đến những sinh viên yếu kém trong lớp (PV4); Đội ngũ nhân viên bảo vệ, lao công, giữ xe có thái độ thân thiện (PV5).

3.1.3. Kết quả phân tích nhân tố khẳng định(CFA).

Trong kiểm định thang đo, phương pháp phân tích nhân tố khẳng định, phân tích cấu trúc moment có nhiều ưu điểm hơn so với phương pháp truyền thống. Lý do là phương pháp phân tích nhân tố khẳng định cho phép kiểm định cấu trúc lý thuyết của thang đo lường như mối quan hệ giữa một khái niệm nghiên cứu với các khái niệm khác mà không bị chệch do sai số đo lường. Mặt khác,

cũng có thể kiểm định giá trị hội tụ và giá trị phân biệt của thang đo một cách rất đơn giản, trực quan, nhanh chóng mà không cần nhiều thủ tục như các phương pháp truyền thống khác.

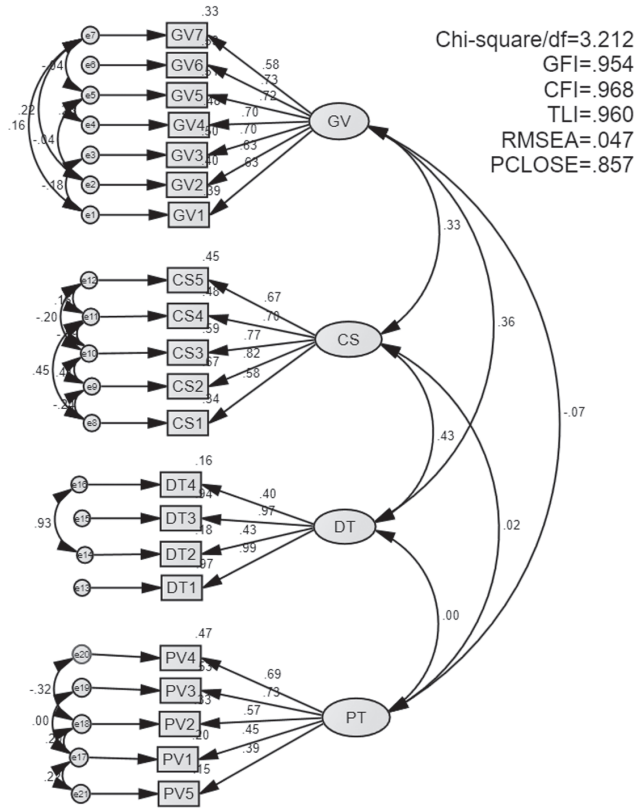

Hình 1. *Kết quả phân tích nhân tố khẳng định*

Kết quả phân tích nhân tố khẳng định CFA trong phần mềm AMOS thu được như sau: Mô hình này có Chi-square/df = 3.121<5 với giá trị p<0.05. Tuy nhiên, các chỉ tiêu khác cho thấy mô hình này phù hợp với dữ liệu nghiên cứu (CFI = 0.968; RMSEA = 0.047< 0.08). Qua kiểm chứng thực tiễn sự hài lòng của sinh viên cho thấy, kết luận này là hoàn toàn phù hợp. Kết quả kiểm định mối quan hệ giữa các yếu tố nghiên cứu cho thấy tất cả các mối quan hệ trong mô hình nghiên cứu đều có ý nghĩa thống kê hay các giả thuyết đều được chấp nhận thông qua các trọng số hồi quy chuẩn hóa mối quan hệ giữa các yếu tố này có ảnh hưởng tỷ lệ thuận với nhau.

Như vậy, kết quả sau khi phân tích CFA chỉ ra thang đo yếu tố đầu vào tác động đến sự hài lòng của sinh viên gồm 4 thành phần: Đội ngũ giảng viên, cơ sở vật chất, chương trình dạy học, dịch vụ phục vụ với 21 biến quan sát. Các thành phần có mối quan hệ qua lại lẫn nhau. Các biến quan sát đều đạt được giá trị hội tụ và đạt yêu cầu về giá trị cũng như độ tin cậy. Tuy nhiên cũng cần khắc phục những nhân tố thành phần, các biến quan sát chưa đạt yêu cầu về giá trị của độ tin cậy làm cho SV chưa hài lòng như chưa hiểu biết về vị trí của môn học trong chương trình dạy học, cơ sở vật chất còn thiếu nhiều, tài liệu tham khảo chưa phong phú đa dạng…Để làm được điều này, ngoài nỗ lực của bản thân sinh viên thì sự phối hợp, hướng dẫn, tạo điều kiện của nhà trường, của các giảng viên có vai trò vô cùng quan trọng.

3.2. Đánh giá sự hài lòng của sinh viên đối với môn học Giáo dục thể chất của Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, ĐHQG TP.HCM

3.2.1. Đánh giá sự hài lòng của sinh viên về chương trình giảng dạy môn GDTC

Kết quả đánh giá sự hài lòng của sinh viên về chương trình giảng dạy môn học GDTC như sau:

Bảng 8. Đánh giá sự hài lòng của sinh viên về chương trình giảng dạy môn GDTC

Tiêu chí đánh giá	n	Min	Max	Mean	SD
Mục tiêu của môn học rõ ràng (ĐT1)	1000	1	5	3.96	0.84
Chương trình đào tạo đảm bảo thời lượng, nội dung môn học (ĐT2)	1000	1	5	3.62	0.93
Nội dung của tiết học đáp ứng nhu cầu rèn luyện và hoạt động nâng cao thể chất của sinh viên (ĐT3)	1000	1	5	3.93	0.83
Nội dung thi phù hợp với nội dung môn học (ĐT4)	1000	1	5	3.64	0.90

Bảng 8 cho thấy: Trong nội dung Sự hài lòng của sinh viên đối với môn học GDTC tại Trường Đại học Khoa học Tự nhiên thì tiêu chí có giá trị trung bình cao nhất đạt 3.96 là *Mục tiêu của môn học rõ ràng* (ĐT1); Tiếp theo là tiêu chí *Nội dung của tiết học đáp ứng nhu cầu rèn luyện và hoạt động nâng cao thể chất của sinh viên* (ĐT3) đạt 3.93; Sau đó là tiêu chí *Nội dung thi phù hợp với nội dung môn học* (ĐT4) đạt 3.64; Thấp nhất là tiêu chí *đánh giá Chương trình đào tạo đảm bảo thời lượng, nội dung môn học* (ĐT2) với giá trị trung bình là 3.62. Cho thấy sự biên soạn chương trình đào tạo về mục tiêu, cũng như khả năng đáp ứng nhu cầu của sinh viên đã được đánh giá hài lòng khá cao, cùng với đó các tiêu chí về sắp xếp tiếp học linh hoạt hay nội dung chương trình phổ biến đến sinh viên cũng được đánh giá khá cao, tất cả 4 nội dung của chương trình đào tạo môn GDTC cho sinh viên đều được đánh giá ở mức độ hài lòng (3.41-4.20). Trong thời gian sắp tới, nhà trường sẽ cố gắng bố trí đưa vào các môn thể thao mới, mang tính hấp dẫn cao vào giảng dạy. Giúp chương trình ngày càng gần gũi và hấp dẫn hơn đối với sinh viên.

3.2.2. Đánh giá sự hài lòng của sinh viên về đội ngũ giảng viên môn GDTC

Kết quả đánh giá sự hài lòng của sinh viên về đội ngũ giảng viên giảng dạy môn học GDTC như sau:

Bảng 9. Đánh giá sự hài lòng của sinh viên về đội ngũ giảng viên môn GDTC

Tiêu chí đánh giá	n	Min	Max	Mean	SD
Giảng viên có đủ trình độ giảng dạy chuyên môn (GV1)	1000	1	5	3.78	0.94
Giảng viên truyền đạt nội dung giảng dạy dễ hiểu, thị phạm tốt (GV2)	1000	1	5	3.90	0.75
Giảng viên đảm bảo kế hoạch giảng dạy và đúng giờ lên lớp (GV3)	1000	1	5	3.93	0.83
Biểu hiện của giảng viên gần gũi và thân thiện với sinh viên (GV4)	1000	1	5	3.87	0.85
Giảng viên sẵn sàng chia sẻ kiến thức, kinh nghiệm với sinh viên (GV5)	1000	1	5	3.81	0.92

Giảng viên phổ biến chi tiết về kế hoạch giảng dạy và chỉ tiêu đánh giá kết quả học tập (GV6)	1000	1	5	3.77	0.90
Giảng viên tổ chức kiểm tra chính xác và công bằng (GV7)	1000	1	5	3.87	0.84

Bảng 9 cho thấy: Trong nội dung Sự hài lòng của sinh viên đối với môn học giáo dục thể chất tại Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, thì tiêu chí có giá trị trung bình cao nhất là *Giảng viên đảm bảo kế hoạch giảng dạy và đúng giờ lên lớp* (GV3) đạt 3.93; Tiếp theo là tiêu chí *giảng viên truyền đạt nội dung giảng dạy dễ hiểu, thị phạm tốt* đạt 3.90; Sau đó là tiêu chí *Biểu hiện của giảng viên gần gũi và thân thiện với sinh viên* (GV4) và *giảng viên tổ chức kiểm tra chính xác và công bằng* (GV7) đạt 3.87; Tiếp theo là tiêu chí *giảng viên sẵn sàng chia sẻ kiến thức, kinh nghiệm với sinh viên* (GV5) đạt 3.81; Tiếp theo là tiêu chí *Giảng viên có đủ trình độ giảng dạy chuyên môn* (GV1) đạt 3.78; Thấp nhất là tiêu chí đánh giá *Giảng viên phổ biến chi tiết về kế hoạch giảng dạy và chỉ tiêu đánh giá kết quả học tập* (GV6) với giá trị trung bình là 3.77. Cho thấy sự đánh giá về khả năng truyền đạt tốt, dễ hiểu và kế hoạch giảng dạy là 2 tiêu chí mà sinh viên đánh giá hài lòng khá cao, cùng với đó các tiêu chí còn lại cũng được đánh giá khá tốt, tất cả 7 nội dung đánh giá mức độ hài lòng của sinh viên đều được đánh giá ở mức độ hài lòng (3.41-4.20).

3.2.3. Đánh giá sự hài lòng của sinh viên về cơ sở vật chất môn GDTC

Kết quả đánh giá sự hài lòng của sinh viên về cơ sở vật chất giảng dạy môn học GDTC như sau:

Bảng 10. Đánh giá sự hài lòng của sinh viên về cơ sở vật chất môn GDTC

Tiêu chí đánh giá	n	Min	Max	Mean	SD
Tài liệu học tập môn học được đảm bảo đầy đủ (CS1)	1000	1	5	3.94	0.78
Phòng học đáp ứng nhu cầu học tập lý thuyết của sinh viên (CS2)	1000	1	5	3.73	0.94
Sân tập, nhà tập đáp ứng nhu cầu tập luyện của sinh viên (CS3)	1000	1	5	3.82	0.89
Dụng cụ tập luyện đáp ứng yêu cầu tập luyện của môn học (CS4)	1000	1	5	3.83	0.88
Lớp học có số lượng sinh viên hợp lý (CS5)	1000	1	5	3.75	0.99

Bảng 10 cho thấy: Trong nội dung Sự hài lòng của sinh viên đối với môn học giáo dục thể chất tại Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, ĐHQG TP.HCM thì tiêu chí có giá trị trung bình cao nhất đạt 3.94 là *Tài liệu học tập môn học được đảm bảo đầy đủ* (CS1); tiếp theo là tiêu chí *Dụng cụ tập luyện đáp ứng yêu cầu tập luyện của môn học* (CS4) đạt 3.83; sau đó là tiêu chí *Sân tập, nhà tập đáp ứng nhu cầu tập luyện của sinh viên* (CS3) đạt 3.82; Tiếp theo là tiêu chí *Lớp học có số lượng sinh viên hợp lý* (CS5) đạt 3.75; thấp nhất là tiêu chí *đánh giá Phòng học đáp ứng nhu cầu học tập lý thuyết của sinh viên* (CS2) với giá trị trung bình là 3.73. Sự đánh giá về Giáo trình/tài liệu học tập của mỗi môn học được thông báo, cung cấp đầy đủ, cũng như về dụng cụ tập luyện, sân bãi tập

luyện đáp ứng nhu cầu học tập và luyện tập của sinh viên với mức đánh giá hài lòng khá cao, cùng với đó các tiêu chí còn lại cũng được đánh giá khá tốt, tất cả 5 nội dung đánh giá mức độ hài lòng của sinh viên đều được đánh giá ở mức độ hài lòng (3.41-4.20).

3.2.4. Đánh giá sự hài lòng của sinh viên về khả năng phục vụ môn GDTC

Kết quả đánh giá sự hài lòng của sinh viên về khả năng phục vụ như sau:

Bảng 11. Đánh giá sự hài lòng của sinh viên về khả năng phục vụ môn GDTC

Tiêu chí đánh giá	n	Min	Max	Mean	SD
Cán bộ quản lý giải quyết thỏa đáng các yêu cầu của sinh viên (PV1)	1000	1	5	3.80	0.90
Mọi thắc mắc về môn học đều có thể trao đổi với GV ở lớp (PV2)	1000	1	5	3.72	0.88
GV có thể nhận biết được nhu cầu của SV trong tập luyện (PV3)	1000	1	5	3.73	0.93
GV luôn quan tâm đến những sinh viên yếu kém trong lớp (PV4)	1000	1	5	3.69	0.91
Đội ngũ nhân viên bảo vệ, lao công, giữ xe có thái độ thân thiện (PV5)	1000	1	5	3.95	0.87

Bảng 11 cho thấy: Trong nội dung Sự hài lòng của sinh viên đối với môn học GDTC tại Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, ĐHQG TP.HCM thì tiêu chí có giá trị trung bình cao nhất đạt 3.95 là *Đội ngũ nhân viên bảo vệ, lao công, giữ xe có thái độ thân thiện* (PV5); tiếp theo là tiêu chí *Cán bộ quản lý giải quyết thỏa đáng các yêu cầu của sinh viên* (PV1) đạt 3.80; Sau đó là tiêu chí *GV có thể nhận biết được nhu cầu của SV trong tập luyện* (PV3) đạt 3.73; tiếp theo là tiêu chí Mọi thắc mắc về môn học đều có thể trao đổi với GV ở lớp (PV2) đạt 3.72; thấp nhất là tiêu chí *đánh giá GV luôn quan tâm đến những sinh viên yếu kém trong lớp* (PV4) với giá trị trung bình là 3.69. Đánh giá về đội ngũ nhân viên bảo vệ, lao công, giữ xe có thái độ thân thiện và nhiệt tình với mức đánh giá hài lòng khá cao, cùng với đó các tiêu chí còn lại cũng được đánh giá khá tốt, tất cả 5 nội dung đánh giá mức độ hài lòng của sinh viên đều được đánh giá ở mức độ hài lòng (3.41-4.20).

Như vậy, dựa trên các tiêu chí qua đó cho cho thấy mức độ hài lòng của sinh viên đối với môn học GDTC tại Trường ĐH Khoa học Tự nhiên, ĐHQG TP.HCM được đo lường thông qua 4 biến quan sát với 21 mục hỏi là ở mức độ hài lòng. Tuy nhiên cũng gặp nhiều hạn chế và khó khăn cần có nhiều biện pháp, phương hướng đổi mới đẩy mạnh chất lượng giáo dục và đào tạo để chất lượng giáo dục ngày càng tốt hơn và hoàn thiện hơn đồng thời góp phần nâng cao mức độ hài lòng của sinh viên đối với môn học GDTC tại Trường ĐH Khoa học Tự nhiên. Với kết quả đo lường mức độ hài lòng của sinh viên đối với môn học GDTC, Bài báo đề xuất một số giải pháp nâng cao mức độ hài lòng của sinh viên Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, ĐHQG TP.HCM đối với môn học GDTC như sau: Tăng cường tuyên truyền và phổ biến về vai trò công tác tổ chức trong Nhà trường về việc nâng cao sức khỏe thông qua tập luyện GDTC; bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho giảng viên giảng dạy GDTC và các hoạt động phát triển phong trào thể thao; cải tiến phương pháp giảng dạy và điều chỉnh theo hướng kích thích tập luyện cho sinh viên; Đảm bảo điều kiện đảm bảo về cơ sở vật chất, phương tiện phục vụ cho công tác dạy và học môn GDTC. Các giải pháp trên cần tiến hành

ứng dụng để nâng cao mức độ hài lòng của sinh viên đối với môn học GDTC ngày càng tốt hơn.

4. KẾT LUẬN

Bài báo đã xác định được thang đo bao gồm 4 biến quan sát như Đội ngũ giảng viên, Cơ sở vật chất, Chương trình giảng dạy và Khả năng phục vụ với 21 mục hỏi đảm bảo độ tin cậy và độ phù hợp để đo lường và đánh giá mức độ hài lòng của sinh viên Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, đối với môn học GDTC. Kết quả đo lường cho thấy sinh viên đều hài lòng đối với môn học GDTC nhưng mức độ chưa cao. Qua đó, Bài báo đề xuất ứng dụng 4 giải pháp, bao gồm: Tăng cường tuyên truyền và phổ biến về vai trò công tác tổ chức trong Nhà trường về việc nâng cao sức khỏe thông qua tập luyện GDTC; bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho giáo viên giảng dạy GDTC và các hoạt động phát triển phong trào thể thao; cải tiến phương pháp giảng dạy và điều chỉnh theo hướng kích thích tập luyện cho sinh viên; đảm bảo điều kiện đảm bảo về cơ sở vật chất, phương tiện phục vụ cho công tác dạy và học môn GDTC nhằm nâng cao mức độ hài lòng của sinh viên đối với môn học GDTC ngày càng tốt hơn nữa.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1] Lê Công Bằng, *Đánh giá sự hài lòng của sinh viên năm nhất Trường Đại học Thủ Dầu Một đối với học phần Giáo dục thể chất*, Đề tài nghiên cứu khoa học, Trường Đại học Thủ Dầu Một, 2014.

[2] Phạm Thị Liên và các cộng sự, *Khảo sát sự hài lòng của sinh viên về chất lượng đào tạo tại Trường Đại học Kinh tế - Đại học Quốc gia Hà Nội*, Đề tài nghiên cứu khoa học, Trường Đại học Kinh tế - Đại học Quốc gia Hà Nội, 2013.

[3] Nguyễn Duy Phú, *Nghiên cứu chất lượng dịch vụ và sự hài lòng của người tham gia tập luyện thể dục thể thao tại Trung tâm Thể dục thể thao Quận Phú Nhuận Thành phố Hồ Chí Minh*, Khóa luận tốt nghiệp, Trường Đại học TDTT TP.HCM, 2014.

[4] Hoàng Trọng, Chu Nguyễn Mộng Ngọc, *Phân tích dữ liệu nghiên cứu với SPSS*, NXB Hồng Đức, Trường Đại học Kinh tế TP. HCM, 2008.

[5] Nguyễn Hữu Vũ, *Khảo sát thực trạng và đề xuất một số giải pháp nâng cao chất lượng công tác giáo dục thể chất tại Trường Đại học Hoa Sen*, Đề tài khoa học cấp trường, Trường Đại học Hoa Sen, 2015.

[6] G.V. Diamantis và V.K. Benos, University of Piraeus, Greece, Measuring student satisfaction with their studies in an International and European Studies Departerment, Operational Research, An International Journal. Vol.7. No 1, pp 47 – 59. 90, 2007.

[7] Siskos, Y., Bouranta, N., Tsotsolas, N., Measuring service quality for students in higher education: the case of a business university, Foundations of Computing and Decision Sciences, 30, 2, 163-180, 2005.

[8] Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Thông tư số 12/2017/QĐ-BGDĐT ngày 19 tháng 05 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT về việc ban hành Quy định kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục đại học, 2017.*